TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-PT
Ngày 03-12-2020
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Vân Thúy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Ông Lương Ngọc Dũng

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Quỳnh Như - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 03 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 44/2020/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

Do Bản án sơ thẩm số 22/2020/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận DK, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 235/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H; nơi ĐKHKTT: Thôn Đức Thắng, xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố Tân Lập, phường Tân Thành, quận DK, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L; nơi cư trú: Tổ dân phố Tân Lập, phường Tân Thành, quận DK, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan: Ông Nguyễn Văn Ái và bà Nguyễn Thị Hà; địa chỉ: Tổ dân phố Tân Lập, phường Tân Thành, quận DK, thành phố Hải Phòng; ông Nguyễn Văn Ái vắng mặt, bà Nguyễn Thị Hà có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:*

Năm 2006, anh H và chị L về chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi chung sống được 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, hai bên không hiểu nhau dẫn đến cãi cọ, không tìm được tiếng nói chung. Ngày 15 tháng 10 năm 2015, anh H đã mời Công an phường Tân Thành đến lập biên bản phân chia tài sản và từ đó hai bên đã sống ly thân. Nay, anh H thấy tình cảm với chị L không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận anh và chị L là vợ chồng. Chị L đồng ý.

Về con chung: Anh H và chị L có 01 con chung là Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2007. Anh H có nguyện vọng được nuôi con. Chị L lúc đầu trình bày: Nếu anh H nhận nuôi và cháu Dũng có nguyện vọng ở với bố thì chị đồng ý sau đó chị thay đổi ý kiến và đề nghị được nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con: Cả hai bên đều không có yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng.

Về tài sản: Theo đơn khởi kiện anh H trình bày ngày 15 tháng 10 năm 2015, anh chị đã phân chia tài sản chung. Anh yêu cầu Tòa án công nhận diện tích 150m^2 (diện tích thực tế là 120m^2) đất thổ cư tại Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và 400m^2 đất đầm tại Tân Lập, phường Tân Thành, quận DK, thành phố Hải Phòng và toàn bộ tài sản trên đất; tài sản trong nhà là tài sản riêng của anh H do nguồn gốc tài sản trên là từ tiền anh H bán căn nhà của anh H trước khi về chung sống với chị L. Việc chị L cùng ký vào hợp đồng chuyển nhượng đất là anh H cho cùng đứng tên chứ không đóng góp gì vào số tiền mua đất. Anh H có quyền hỗ trợ cho chị L số tiền từ 20 đến 30 triệu đồng do chị L có công sức trông nom, nuôi con, chăm sóc gia đình. Ngày 18 tháng 6 năm 2020, anh H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 400m^2 đất đầm. Anh chỉ còn yêu cầu chia một nửa giá trị ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất đầm tại Tân Lập, phường Tân Thành, quận DK, thành phố Hải Phòng. Ngoài ra, trong trường hợp nếu chị L đồng ý anh sẽ sang tên thửa đất trên cho con chung của hai người là cháu Dũng.

Chị L trình bày: Căn nhà cấp 4 trên diện tích đất đầm tại Tân Lập, phường Tân Thành,quận DK, thành phố Hải Phòng và diện tích 150m^2 đất thổ cư tại Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng là tài sản chung của hai người và đề nghị Tòa án chia đôi. Căn nhà chị đề nghị anh H về tự tháo dỡ một

nửa, còn đất nếu anh H lấy cả thì trả cho chị một nửa trị giá đất nếu anh H không trả tiền thì đề nghị Tòa án chia đôi đất. Chị xác nhận việc anh H có bán nhà của anh H có từ trước khi anh H về chung sống với chị và có sử dụng một phần tiền để xây nhà trên diện tích đất đầm và mua đất ở Đồ Sơn. Tuy nhiên, việc xây nhà và mua đất chị có đóng góp công sức, do đó hai tài sản trên là tài sản chung nên đề nghị Tòa án chia đôi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan - ông Nguyễn Văn Ái, bà Nguyễn Thị Hà trình bày: Không có yêu cầu độc lập, ông bà có diện tích 400m^2 đất đầm tại Tân Lập, phường Tân Thành, quận DK, thành phố Hải Phòng. Khi anh H và chị L về chung sống với nhau không có chỗ sinh sống nên có nhờ và ông bà đồng ý cho xây ngôi nhà cấp 4 trên diện tích đất đầm trên để sinh sống. Nay, anh H đề nghị Tòa án chia tài sản là nhà trên đất, ông bà có quan điểm là anh H, chị L tự giải quyết phần nhà trên đất. Diện tích đất đầm 400m^2 tại Tân Thành là của vợ chồng bà đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay, anh H không còn yêu cầu với diện tích đất đó nữa nên ông bà không có ý kiến gì.

Theo Kết luận định giá tài sản là đất và tài sản gắn liền với đất: Tài sản là ngôi nhà cấp 4, gồm 3 gian nhà: Gian nhà cải tạo phía trước; nhà trên đất phần chính và nhà cải tạo phía sau nhà trên đất tại tổ dân phố Tân Lập, phường Tân Thành, quận DK có giá trị 30.200.000 đồng; thửa đất có diện tích thực tế là 120m^2 đất thổ cư tại Trung Nghĩa, Hợp Đức, Đồ Sơn, Hải Phòng có giá trị 6.000.000 đồng/m^2 = 720.000.000 đồng.

* Với nội dung nêu trên tại bản án sơ thẩm số 22/2020/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 8 tháng 2020 của Tòa án nhân dân quận DK, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Áp dụng các điều 9, điều 14, điều 15, điều 16 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các điều 208, 209, 223, 219 Bộ Luật Dân sự; Điều 100 Luật đất đai; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ; các điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị L.

2. Giao cho chị Nguyễn Thị L nuôi cháu Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2007 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không

được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh H:

3.1. Chị Nguyễn Thị L được quyền sử dụng nhà trên đất tại thửa đất số 129 tờ bản đồ số 01 thuộc tổ dân phố Tân Lập, phường Tân Thành, quận DK, thành phố Hải Phòng (đất cấp cho ông Nguyễn Văn Ái và bà Nguyễn Thị Hà) và phải trả cho anh H số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng là phần giá trị tài sản anh H được hưởng.

3.2. Tạm giao cho anh Nguyễn Văn H quản lý diện tích 60m^2 đất (chiều ngang 03m, chiều dài chạy dọc theo đất) trong tổng diện tích 120m^2 đất tại thửa đất số 77^c, tờ bản đồ 18 đất thuộc khu dân cư Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng được xác định bởi mốc giới A, B, C, D (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo bản án).

Tạm giao cho chị Nguyễn Thị L quản lý diện tích 60m^2 đất có chiều ngang 03m, chiều dài chạy dọc theo đất (giáp nhà ông Nguyễn Ngọc Minh) trong tổng diện tích 120m^2 đất tại thửa đất số 77^c, tờ bản đồ 18 đất thuộc khu dân cư Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng được xác định bởi mốc giới C, D, E, F (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo bản án).

3.3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh H về diện tích 400m^2 đất đầm tại Tân Lập, phường Tân Thành, quận DK, thành phố Hải Phòng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự.

* *Sau khi xét xử sơ thẩm:* Nguyên đơn anh Nguyễn Văn H kháng cáo không đồng ý với việc phân chia tài sản của Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét các tài sản là thửa đất tại khu dân cư Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và nhà cấp 4 tại tổ dân phố Tân Lập, phường Tân Thành, quận DK, thành phố Hải Phòng đều là tài sản riêng của anh do anh bỏ tiền ra mua đất và xây dựng nhà nên không được chia cho chị L, anh chỉ đồng ý hỗ trợ một khoản tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H giữ nguyên yêu cầu nội dung kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm, xác định tài sản là thửa đất số 77^c, tờ bản đồ 18 đất thuộc khu dân cư Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và tài sản trên đất là căn nhà tại tổ dân phố Tân Lập, phường Tân Thành, quận DK, thành phố Hải Phòng và các đồ dùng sinh hoạt như giường, tủ, bàn ghế là tài sản riêng của anh, không đồng ý chia cho chị Nguyễn Thị L; nay anh H không đồng ý hỗ trợ chị L một khoản tiền như đơn kháng cáo đã nêu.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị L không đồng ý với nội dung kháng cáo, giữ nguyên các quan điểm, ý kiến đã trình bày và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan, bà Nguyễn Thị Hà trình bày: Việc anh H gửi bà tiền sau khi bán nhà là 100 triệu đồng, bà đã trả lại cho anh chị khi xây nhà một phần, một phần anh chị lấy dần chi tiêu gia đình, còn lại 35 triệu khi anh chị H L mua đất ở Đồ Sơn, bà đã đưa nốt cho anh chị cùng cầm tiền trả cho người bán.

** Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã chấp hành đúng các quy định trong quá trình tiến hành tố tụng; các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kháng cáo của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H đối với Bản án số 22/2020/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận DK đúng theo quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền kháng cáo, đơn và thời hạn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết kháng cáo.

Về nội dung*:* Đối với kháng cáo của nguyên đơn:

Thứ nhất, về thửa đất số 77^{C}, tờ bản đồ 18 thuộc khu dân cư Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, cùng lời trình bày của các đương sự. Cả nguyên đơn và bị đơn đều đồng ý với kết quả thẩm định, xác định diện tích đất thực tế có tranh chấp là 120m^2 (không phải 150m^2 như nội dung khởi kiện, kháng cáo). Giá trị hiện tại của tài sản có tranh chấp được xác định là 720.000.000 đồng. Anh H cho rằng diện tích đất này, mặc dù được mua trong thời kỳ anh chị chung sống như vợ chồng, nhưng số tiền dùng để mua đất là do anh bán tài sản riêng của mình đi để mua, diện tích đất này phải được xác định là tài sản của riêng anh. Ngoài lời trình bày trên, anh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho nguồn tiền dùng để mua 120m^2 đất là tài sản riêng của anh. Căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lập ngày 21 tháng 3 năm 2008, thì bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Linh, bà Yến gồm cả anh H và chị L. Hợp đồng chuyển nhượng đã được các bên lập thành biên bản, ký kết và được chứng thực tại Ủy ban nhân dân. Do đó, diện tích 120m^2 đất tại khu dân cư Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng phải được xác định là tài sản chung của anh H, chị L trong thời kỳ anh chị chung sống với nhau như vợ chồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các quy định của pháp luật, cũng như hiện trạng thực tế của thửa đất để xác định là tài sản chung theo phần và phân chia cho anh H, chị L mỗi người quản lý, sử dụng 60m^2 là hoàn toàn có căn cứ, đúng

pháp luật. Tuy nhiên, việc Tòa án cấp sơ thẩm quyết định tạm giao cho mỗi người sử dụng 60m^2 là chưa đúng quy định và khó khăn trong việc thi hành án, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa phần quyết định của bản án theo hướng tuyên xử giao cho anh H, chị L mỗi người sử dụng 60 m^2 đất tại thửa đất số 77^C, tờ bản đồ 18 thuộc khu dân cư Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng cho đúng quy định của pháp luật .

Thứ hai, về việc xác định căn nhà cấp 4 trên diện tích 400m^2 đất đầm tại tổ dân phố Tân Lập, phường Tân Thành, quận DK, thành phố Hải Phòng là tài sản riêng của anh H (do anh H dùng tiền riêng của mình để xây dựng) khi chung sống với chị L.

Nhận thấy, căn nhà cấp 4, gồm 3 gian nhà này được xây dựng trên diện tích đất của ông Nguyễn Văn Ái và bà Nguyễn Thị Hà (bố mẹ đẻ chị L). Giá trị tài sản còn lại, tính đến thời điểm có tranh chấp được xác định là 30.200.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, cả anh H và chị L đều thừa nhận số tiền dùng để xây dựng nhà hầu hết là của anh H bỏ ra, anh H là người có đóng góp chính vào việc hình thành tài sản này. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng chị L cũng có một phần công sức gìn giữ, trông nom, quản lý tài sản. Hơn nữa, căn nhà được xây dựng trên diện tích đất của ông Ái, bà Hà (là bố mẹ đẻ chị L) từ khi anh chị về chung sống mà không phải chi trả hay đóng góp cho ông bà một phần giá trị nào khi sử dụng đất. Vì thế, khi xác định sở hữu chung theo phần để phân chia mỗi người, Tòa án sơ thẩm đã phân chia cho anh H được hưởng khoảng 2/3, chị L 1/3 giá trị tài sản; và giao cho chị L quản lý, sử dụng căn nhà, có trách nhiệm thanh toán lại cho anh H 20.000.000 đồng là đảm bảo tính hợp pháp và hợp lý.

Thứ ba, về việc anh H hỗ trợ chị L một khoản tiền: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H không chấp nhận việc hỗ trợ như đơn đã kháng cáo nên không xem xét nội dung kháng cáo này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh H không cung cấp được tài liệu chứng cứ hay quan điểm nào khác chứng minh cho kháng cáo của mình, Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là anh Nguyễn Văn H; anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 22/2020/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận DK, thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Nguyên đơn và bị đơn đều đang cư trú tại Tổ dân phố Tân Lập, phường Tân Thành, quận DK, thành phố Hải Phòng nên Tòa án nhân dân quận DK thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa đủ quan hệ pháp luật tranh chấp, đồng thời không xác định cụ thể khoản của Điều luật áp dụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên cần sửa lại cho đúng, đủ.

[2] Về tư cách người tham gia tố tụng và xét thủ tục kháng cáo: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng tư cách của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy ông Nguyễn Văn Ái không kháng cáo là người có quyền lợi, nghĩa vụ không L quan đến việc kháng cáo nên việc vắng mặt của ông Ái không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Ái. Anh Nguyễn Văn H kháng cáo trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của anh H là hợp pháp.

- Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H: Anh Nguyễn Văn H kháng cáo không đồng ý với việc phân chia tài sản của Bản án sơ thẩm vì cho rằng đó là tài sản riêng của anh do anh bỏ tiền ra mua đất và xây dựng nhà nên không được chia cho chị L. Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh H và chị L chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Do đó, theo quy định tại Điều 16 của Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ luật Dân sự và các quy định của pháp luật có L quan thì về nguyên tắc việc anh H và chị L xác lập tài sản trong thời kỳ chung sống không hợp pháp nên không được coi là tài sản chung hợp nhất của vợ chồng. Trường hợp có căn cứ xác định là tài sản chung thì phân chia theo công sức đóng góp của mỗi bên.

[4] Về thửa đất số 77^{C}, tờ bản đồ 18 đất tại khu dân cư Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng: Theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21 tháng 3 năm 2008 giữa bên chuyển nhượng là ông Nguyễn Văn Linh và bà Hoàng Thị Yến và bên nhận chuyển nhượng là anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị L có sự xác nhận của chính quyền địa phương

có diện tích 150m^2 (quá trình xem xét thẩm định thì diện tích đất theo hiện trạng thực tế là 120m^2); anh H và chị L cũng chấp nhận diện tích đất theo hiện trạng thực tế nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp là 120m^2 để giải quyết là có căn cứ.

[5] Anh H cho rằng mảnh đất này có nguồn gốc là do anh bán nhà là tài sản riêng của anh đi để mua. Việc anh để chị L cùng đứng tên trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là do anh nghĩ khi đó hai người còn đang chung sống với nhau nên đề nghị Tòa án xác nhận đây là tài sản riêng của anh, không phải là tài sản chung của anh và chị L và không đồng ý chia cho chị L. Chị L xác nhận có việc anh H bán nhà riêng của anh H, song tiền bán nhà anh H đã dùng một phần vào việc xây dựng căn nhà cấp 4 tại Tân Lập, phường Tân Thành, quận DK, thành phố Hải Phòng; số tiền còn lại anh H dùng vào mục đích gì chị không biết. Quan điểm của chị về diện tích đất trên là tài sản chung của chị và anh H do anh chị cùng ký giấy mua bán, khi mua chị có đóng góp 35 triệu đồng trên tổng số 80 triệu đồng tiền mua đất, khi mua bên bán đã gia lộc lại 02 triệu nên viết giấy biên nhận là 78 triệu đồng.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do anh H không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc số tiền anh dùng mua mảnh đất trên hoàn toàn là tiền riêng của anh H và công nhận lời khai của chị L và bà Hà là mẹ của chị L về việc anh H gửi tiền cho bà giữ 100.000.000 đồng, bà Hà đã đưa cho anh H xây căn nhà trên đất còn lại bà đưa cho chị L và anh H mua thửa đất này. Do còn thiếu tiền nên chị L đóng góp 35 triệu đồng trên tổng số tiền mua đất và xác định đây là tài sản chung và phân chia mỗi bên 1/2 diện tích đất có chiều ngang 03m, chiều dài chạy dọc theo đất. Do tổng diện tích đất thực tế là 120m^2, có chiều ngang 06m và chiều dài là 20m nên việc chia bằng hiện vật là đảm bảo điều kiện sử dụng đất theo quy định của pháp luật và phù hợp thực tế.

[7] Xét việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử: "Tạm giao cho anh H và chị L mỗi người được sử dụng 60m^2 đất (có chiều ngang 03m, chiều dài chạy dọc theo thửa đất) trong tổng diện tích 120m^2 đất tại thửa đất số 77^C, tờ bản đồ số 18 thuộc khu dân cư Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng (có sơ đồ kèm theo bản án) là không bảo đảm việc thi hành án. Theo xác minh tại chính quyền địa phương, thửa đất tranh chấp nằm trong quy hoạch đất ở, có đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên cần chia cho mỗi bên được quyền sử dụng 60m^2 đất và các bên có nghĩa vụ L hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định mới đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các bên đương sự nên cần sửa Bản án sơ thẩm về nội dung nêu trên và tuyên xử: Giao cho anh H và chị L mỗi người được sử dụng 60m^2 đất (có chiều ngang 03m, chiều dài chạy dọc theo thửa đất) trong tổng diện tích 120m^2 đất tại thửa đất số 77^C, tờ bản đồ số 18 thuộc khu dân

cư Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng là có căn cứ.

[8] Đối với căn nhà xây dựng trên phần đất của ông Nguyễn Văn Ái và bà Nguyễn Thị Hà tại tổ dân phố Tân Lập, phường Tân Thành, quận DK, thành phố Hải Phòng là ngôi nhà cấp 4 gồm 3 gian nhà: Gian nhà cải tạo phía trước; nhà trên đất phần chính và nhà cải tạo phía sau nhà trên đất được xây dựng trên mảnh đất trên thuộc quyền sử dụng của bố mẹ đẻ chị L là ông Nguyễn Văn Ái và bà Nguyễn Thị Hà. Theo Chứng thư thẩm định giá tài sản tranh chấp là 30.200.000 đồng. Tại phiên tòa, các bên thừa nhận số tiền xây dựng căn nhà này hầu hết do anh H bỏ ra. Hội đồng xét xử xét thấy đối với tài sản này, anh H là người có đóng góp chính vào việc hình thành tài sản. Tuy nhiên, chị L cũng có công sức trông nom, quản lý tài sản khi hai người chung sống nên cũng cần xem xét chia cho chị L một phần giá trị. Tài sản này được xây dựng trên đất của ông Ái và bà Hà là bố mẹ chị L. Hiện nay, chị L đang ở trên đất nên cần giao tài sản này cho chị L và chị L có trách nhiệm thanh toán trả cho anh H số tiền là 20.000.000 đồng là giá trị phần tài sản anh H được hưởng. Chị L và ông Ái, bà Hà có quyền thỏa thuận với nhau về việc sử dụng ngôi nhà trên đất của ông bà, nếu có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Cấp sơ thẩm đã nhận định và quyết định theo nội dung như trên là có căn cứ nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với tài sản này.

[9] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H. Tuy nhiên, do có một số sai sót của bản án sơ thẩm như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2020/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận DK, thành phố Hải Phòng cho đúng và phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí:

[11] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 và khoản 8 Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 208, 209, 219 Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 14, 15, 16 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 100 Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ;

Căn cứ khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H. Sửa một phần Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 22/2020/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận DK, thành phố Hải Phòng.

2. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị L.

3. Về việc nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị L nuôi con là Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2007 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

4. Về tài sản: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh H.

4.1. Chị Nguyễn Thị L được quyền sở hữu ngôi nhà trên thửa đất số 129, tờ bản đồ số 01 thuộc tổ dân phố Tân Lập, phường Tân Thành, quận DK, thành phố Hải Phòng (đất cấp cho ông Nguyễn Văn Ái và bà Nguyễn Thị Hà).

4.2. Giao cho anh Nguyễn Văn H được quyền sử dụng diện tích 60m^2 đất (chiều ngang 03m, chiều dài chạy dọc theo thửa đất) trong tổng diện tích 120m^2 đất tại thửa đất số 77^C, tờ bản đồ số 18 thuộc khu dân cư Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng được xác định bởi các mốc giới A, B, C, D (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo bản án).

Giao cho chị Nguyễn Thị L được quyền sử dụng diện tích 60m^2 đất (chiều ngang 03m, chiều dài chạy dọc theo thửa đất, giáp nhà ông Nguyễn Ngọc Minh) trong tổng diện tích 120m^2 đất tại thửa đất số 77^C, tờ bản đồ số 18 thuộc khu dân cư Trung Nghĩa, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng được xác

định bởi các mốc giới C, D, E, F (vị trí, kích thước, mốc giới có sơ đồ kèm theo bản án).

4.3. Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị L có trách nhiệm L hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai.

4.4. Chị Nguyễn Thị L phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho anh Nguyễn Văn H số tiền là 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

4.5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của anh Nguyễn Văn H về diện tích 400m^2 đất đầm tại Tân Lập, phường Tân Thành, quận DK, thành phố Hải Phòng.

5. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 19.000.000 (mười chín triệu) đồng án phí về tài sản chung, tổng cộng là 19.300.000 (mười chín triệu ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 14.300.000 (mười bốn triệu ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014214 ngày 05 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận DK, thành phố Hải Phòng. Anh H còn phải nộp 5.000.000 (năm triệu) đồng tiền án phí sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị L phải nộp 18.510.000 (mười tám triệu năm trăm mười nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm về chia tài sản chung.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; đối trừ với số tiền tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013273 ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận DK, thành phố Hải Phòng; anh H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 9 Luật thi hành

án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND quận DK;
- Chi cục THADS quận DK;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Trần Thị Vân Thúy

DANH SÁCH GỬI BƯU ĐIỆN

Bản án số 13/2017/HNGĐ-PT ngày 21 tháng 9 năm 2017

(Hoa - Lanh)

1. Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

2. Chi Cục Thi Hành án huyện An Dương, thành phố Hải Phòng

3. Ủy Ban nhân dân xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng

4. Ông Trịnh Khắc Nam –Công ty luật Trịnh Khắc Triệu; địa chỉ: số 13 ngõ 125, Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Người gửi Xác nhận của Bưu điện

Vân Anh